

Phụ lục 1 / Annex 1

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VẬN TẢI HÀNG HÓA  
THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*(Registration form for providing transportation service under customs supervision within the territory  
of the Socialist Republic of Viet Nam)*

**I. Nội dung do doanh nghiệp khai/Declaration of the enterprise.**

Kính gửi Cục Hải quan tỉnh / *To Customs Department.....nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ  
Nghĩa Việt Nam /the Socialist Republic of Viet Nam.*

Doanh nghiệp chúng tôi đã được sự cấp phép hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải của Bộ giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đồng thời có đầy đủ tư cách doanh nghiệp cũng như tư cách kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải đường bộ / *Our enterprise is licensed to operate in the area of logistics by the Ministry of Transport of the People's Republic of China and have full status of an legal enterprise as well as legal status to provide road logistics services.*

Căn cứ quy định tại Thông tư số / *Pursuant to the Circular No ...../2015/TT-BTC* ngày / day .....tháng / month.....năm / year..... của Bộ Tài chính, chúng tôi làm văn bản này xin đăng ký doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam / *issued by the Ministry of Finance, we, hereby, would like to register to operate as a transport operator subject to customs supervision within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam.*

Các thông tin liên quan như sau / *The related information is as follows:*

1. Tên doanh nghiệp / *Name of enterprise.....*
2. Địa chỉ / *Address.....* Mã số bưu điện/*Postal code.....*
3. Tên Đại lý giám sát hải quan / *Name of customs authorized supervision agent.....*Mã số thuế của Đại lý giám sát hải quan / *Tax code of customs authorized supervision agent.....*
4. Tên người đại diện hợp pháp của Đại lý giám sát hải quan / *Name of legal representative of customs authorized supervision agent: .....*  
Số điện thoại liên hệ / *Phone number:.....*
5. Loại hình doanh nghiệp / *Type of enterprise:.....*
6. Số giấy phép kinh doanh / *Business license No: .....*
7. Số giấy phép kinh doanh vận tải / *Certificate number of logistic business registration: .....*
8. Số tiền ký quỹ tại ngân hàng / *Bank deposit at Bank.....*có trụ sở tại Việt Nam với số tiền (VNĐ) / *located in Viet Nam with the amount of (VND): .....*
9. Số phiếu thu hoặc số ký quỹ của ngân hàng / *Receipt number or Bank deposit number:.....*
10. Thời hạn ký quỹ / *Bank deposit's validity time: từ ngày / from date.....tháng / month.....năm / year.....*đến ngày / *to date.....tháng / month.....năm / year .....*

Doanh nghiệp chúng tôi bảo đảm các thông tin nêu trên và thông tin tại các chứng từ nộp lên kèm văn bản này gửi quý Hải quan đều chính xác, đúng sự thực / *We hereby declare that the details given above and invoices attached to this registration form submitted to the customs are accurate and honest.*

Kính mong Quý đơn vị phê duyệt nội dung đăng ký này của chúng tôi. Doanh nghiệp cũng như lái xe của chúng tôi cam kết tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hải quan Việt Nam, cũng như chịu hoàn toàn các trách nhiệm liên quan theo pháp luật Việt Nam / *We look forward to receiving your approval to our registration. Our enterprise as well as our drivers shall strictly comply with the regulations of Viet Nam Customs, and take full responsibility in accordance with laws of Viet Nam.*

Ngày / *Date.....tháng / month.....năm / year.....*

**TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/Name of enterprise's representative:**

*(đồng dấu doanh nghiệp / enterprise's stamp)*

**II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan / Verification of Customs Administration**

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do / *In case of disapproval, clearly provide the reasons:*<sup>(1)</sup>

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp Mã số Hải quan / *In case of approval, issue a Customs code:*<sup>(2)</sup>

Ngày / *Date*.....tháng / *month*.....năm / *year*.....

**LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN/ Leader of Customs Department**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đơn vị / *signature, full name and stamp*)

3. Ghi chú / *Note:*<sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup> : Lý do không chấp nhận đề nghị: Doanh nghiệp đã có hành vi vi phạm pháp luật Hải quan thuộc thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan trở lên hoặc có thông tin vi phạm từ các cơ quan quản lý khác.

<sup>(2)</sup> : Mã số hải quan cấp theo nguyên tắc sau: chữ cái viết tắt tên tỉnh Cục Hải quan nơi cấp + Mã số thuế của Đại lý giám sát hải quan + Chữ cái viết tắt tên doanh nghiệp Trung Quốc được cấp, ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn cấp mã cho Công ty TNHH Thành Lợi (doanh nghiệp vận tải Trung Quốc) mã số như sau: LS0102735469TL (trong đó 0102735469 là mã số thuế của doanh nghiệp Việt Nam là Đại lý giám sát cho Công ty TNHH Thành Lợi).

<sup>(3)</sup> : Ghi các ghi chú có liên quan.

## Phụ lục 2 / Annex 2

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA  
THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**  
(*Registration form for means of transport subjected to customs supervision within the  
territory of the Socialist Republic of Viet Nam*)<sup>(1)</sup>

<b>I. Nội dung do doanh nghiệp khai/ Content declared by enterprise:</b>			
1. Tên doanh nghiệp / <i>Name of enterprise</i>		2. Địa chỉ / Mã số bưu điện/Address/Postal code	
3. Biển số xe / <i>Plate Number</i>		4. Số máy / <i>Engine Number</i>	
5. Nhãn hiệu / <i>Brand</i>		6. Số khung / <i>Vehicle Identification Number</i>	
7. Loại xe / <i>Type</i>		8. Tải trọng / <i>Capacity</i>	
9. Màu xe / <i>Color</i>		10. Trọng lượng/ <i>Weight</i>	
11. Phạm vi tuyến đường hoạt động/ <i>Designated routes</i>			
<p>Doanh nghiệp cam kết những nội dung điền trên đây đều chính xác, trung thực, cũng như cam kết tăng cường quản lý đối với phương tiện, tiến hành hoạt động vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan theo đúng phạm vi tuyến đường được chỉ định / <i>We hereby undertake that the details given above are true and accurate. We also declare to keep tight control over the means of transport and only transport the goods subjected to customs supervision in accordance with the assigned routes.</i></p> <p style="text-align: center;">Ngày/Date .....tháng/month.....năm/year.....</p> <p style="text-align: center;"><b>TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP / Name of enterprise's representative:</b> (<i>đóng dấu doanh nghiệp /enterprise's stamp</i>)</p> <p style="text-align: center;">Ảnh chụp chếch 45 độ từ phía trước xe/ <i>Photo of means of transport taken from an angle of 45 degrees in the front</i></p>			

<sup>(1)</sup> : Văn bản này sử dụng cho từng phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam

**II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan/Verification of Customs administration**

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do/*In case of disapproval, clearly provide the reasons:*

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp Mã số Hải quan / *In case of approval, issue a Customs code:* <sup>(2)</sup>

*Ngày / Date      tháng / month      năm / year*

**LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department**

*(Ký, họ tên và đóng dấu đơn vị / signature, full name and stamp)*

3. Ghi chú / *Note.*<sup>(3)</sup>

<sup>(2)</sup> : Mã số Hải quan cấp theo nguyên tắc sau: số thứ tự xe của doanh nghiệp Trung Quốc + Mã số đã cấp theo Phụ lục 1, ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn cấp mã số hải quan đối với xe ô tô thứ nhất của Công ty TNHH Thành Lợi (doanh nghiệp vận tải Trung Quốc) là: 01LS0102735469TL, cấp mã số hải quan cho xe thứ hai của Công ty TNHH Thành Lợi là: 02LS0102735469TL và cấp cho xe thứ n là: nLS0102735469TL.

<sup>(3)</sup> : Ghi các ghi chú có liên quan.

**Phụ lục 3 / Annex 3**

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ LÁI XE ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**  
*(Registration form for the permit issued to driver of means of transport subjected to customs supervision within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam) <sup>(1)</sup>*

<b>I. Nội dung do doanh nghiệp khai / Declaration of the enterprise:</b>			
1. Tên doanh nghiệp / <i>Name of enterprise</i>		2. Địa chỉ / <i>Address</i>	
3. Họ tên lái xe / <i>Name of driver</i>		4. Giới tính / <i>Gender</i>	ảnh 3x4 (Đóng dấu vào góc phải vị trí của ảnh) / <i>3x4 photo of driver (Stamp on the right corner of the photo)</i>
5. Số giấy phép lái xe / <i>Driver license No.</i>		6. Quê quán/ <i>Nationality</i>	
7. Địa chỉ thường trú / <i>Permanent Address</i>		8. Mã số bưu điện / <i>Postal code</i>	
9. Số Hộ chiếu / <i>Passport Number</i>		10. Số điện thoại liên hệ / <i>Phone number</i>	
11. Thời hạn hợp đồng lao động / <i>Labour contract: từ / from</i> đến / <i>to</i>			
<p>Tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của Hải quan Việt Nam, thực hiện mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan, vận chuyển hàng hóa thuộc sự giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng chỉ định / <i>I hereby undertake to comply with the regulations of Viet Nam Customs, perform all related obligations and liabilities, and transport goods subjected to customs supervision within the territory of Viet Nam in accordance with the designated directions.</i></p> <p align="center"><i>Ngày/Date .....tháng/month.....năm/year.....</i></p> <p align="center"><b>LÁI XE KÝ TÊN /Signature of driver</b></p>			
<p>Doanh nghiệp cam kết những nội dung điền trên đây đều chính xác, trung thực, cũng như cam kết tăng cường quản lý đối với lái xe, tiến hành hoạt động vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam theo đúng phạm vi tuyến đường được chỉ định / <i>We hereby undertake that the details given above are true and accurate. We also declare to keep tight control over driver and only transport the goods subjected to customs supervision in accordance with the assigned routes.</i></p> <p align="center"><i>Ngày / Date      tháng / month      năm / year</i></p> <p align="center"><b>TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP / Name of enterprise's representative:</b>  <i>(đóng dấu doanh nghiệp/ enterprise's stamp)</i></p>			

<sup>(1)</sup> : Văn bản này đăng ký cho 01 lái xe. Trường hợp thay đổi lái xe thì phải thực hiện đăng ký lại / The form is issued for 01 driver. In case of change of driver, reapplication is required.

**II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan / Verification of Customs administration**

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do / *In case of disapproval, clearly provide the reasons:*

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / *In case of approval, issue a Permit number to the driver of the means of transport.*<sup>(2)</sup>

*Ngày / Date tháng / month năm / year*

**LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department**

*(Ký, họ tên và đóng dấu đơn vị/signature, full name and stamp)*

3. Ghi chú / *Note:*<sup>(3)</sup>

<sup>(2)</sup> : Số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện cấp theo nguyên tắc sau: Mã số đã cấp theo Phụ lục 1 + Số thứ tự lái xe đăng ký; ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn sẽ cấp số Giấy chứng nhận đối với lái xe thứ nhất của Công ty TNHH Thành Lợi là: LS0102735469TL01 và cấp mã số hải quan cho lái xe thứ hai của Công ty TNHH Thành Lợi là: LS0102735469TL02 và cấp số Giấy chứng nhận cho lái xe thứ n của Công ty TNHH Thành Lợi là: LS0102735469TLn.

<sup>(3)</sup> : Ghi các ghi chú có liên quan

**Phụ lục 4 / Annex 4**

**CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENT .....NƯỚC CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**BAN HÀNH / ISSUES**

**SỔ HẢI QUAN GIÁM SÁT PHƯƠNG TIỆN / CUSTOMS SUPERVISION RECORD BOOK  
ON MEANS OF TRANSPORT <sup>(1)</sup>**

**MÃ SỐ HẢI QUAN / CUSTOMS CODE: <sup>(2)</sup>**

**BIÊN SỐ XE / NUMBER PLATE: <sup>(3)</sup>**

**CÁC ĐIỀU CẦN BIẾT/NOTES**

1. Sổ hải quan giám sát phương tiện này do Hải quan nơi phương tiện vận tải thuộc diện chịu sự giám sát Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh phê chuẩn, in ấn và cấp theo quy định tại Thông tư số ...../2015/TT-BTC ngày.....tháng.....năm 2015 của Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam / *Customs supervision record book on means of transport is approved, printed and issued by the local customs department, where means of transport on entry and exit is subjected to customs supervision within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam, in accordance with the Circular No...../2015/TT-BTC dated.....issued by the Ministry of Finance.*

2. Sổ hải quan giám sát phương tiện này là chứng từ nhằm đảm bảo hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật Hải quan Việt Nam / *Customs supervision record book on means of transport is a document aimed to ensure that the transportation of goods imported, exported or in transit in the territory of Viet Nam is in accordance with laws on customs.*

3. Các mục trong Sổ hải quan giám sát phương tiện này do lái xe hoặc do người đại diện (Đại lý giám sát hải quan) khai và xác nhận; lái xe hoặc người đại diện phải khai rõ ràng, đúng thực tế, đúng quy định / *Details in the record book are declared and verified by the*

<sup>(1)</sup>: Sổ này được cấp cho 01 phương tiện vận tải chuyên chở hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan / This record book is issued for each means of transport subjected to customs supervision;

<sup>(2)</sup>: Hải quan nơi cấp ghi theo mã số đã cấp theo Phụ lục 2 / Customs Department issuing this record book fills in the customs code issued according to Annex 2;

<sup>(3)</sup>: Hải quan nơi cấp ghi biên số xe của phương tiện được cấp / Customs Department issuing this record book fills in the number plate of the means of transport.

*drivers or representatives (customs authorized supervision agents); the declaration made by drivers or representatives shall be clear, accurate and in accordance with the regulations.*

4. Ngoài những xe đã được Hải quan tỉnh biên giới (nơi phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh) phê chuẩn, cấp Sổ theo quy định thì các phương tiện thuộc diện phải chịu giám sát nhưng chưa được cấp Sổ thì không được vận chuyển hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam / *Except for means of transport already approved and issued with a customs supervision record book by customs at border where they are on entry or exit, those subject to customs supervision without a record book are not permitted to travel within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam.*

5. Vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan, khi nhập cảnh, xuất cảnh không được phép đổi - xếp - dỡ hàng giữa đường, phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm được Hải quan chỉ định, bảo đảm nguyên vẹn niêm phong / *It is not allowed to change, load, unload goods on the way during the transportation of goods subject to customs supervision on entry or exit. The assigned routes must be followed and the original state of the seals must be maintained.*

6. Lái xe hoặc người đại diện phải giữ gìn Sổ hải quan giám sát phương tiện này, không được chuyển nhượng, cho mượn, tầy xóa, sửa chữa, làm rách hoặc sử dụng vào mục đích khác, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định liên quan của Hải quan / *Drivers or representatives shall keep record books in good condition and not transfer, lend, modify, edit, tear or use record books for other purposes. Otherwise, penalties shall be applied in accordance with laws on customs.*

7. Sổ hải quan giám sát phương tiện này phải được bổ sung hoặc đổi, thay mới tại Hải quan nơi đăng ký; nếu bị thất lạc, phải kịp thời thông báo cho Hải quan nơi cấp Sổ, được cấp lại sau khi Hải quan phê chuẩn / *Customs supervision record book must be supplemented or renewed, reissued by the local customs department where the record book was first registered; in case of loss, it is requested to report to the customs department issuing the record book for approval and reissuance*

8. Trong mỗi Sổ hải quan giám sát phương tiện này có 100 mục xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa, thứ tự từ “nhập cảnh, xuất cảnh lần 1” cho đến “nhập cảnh, xuất cảnh lần 100”. Mỗi một lần phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh thì được khai báo và xác nhận một lần tại mục “nhập cảnh, xuất cảnh lần...”. Trường hợp vượt quá lần nhập cảnh, xuất cảnh thứ 100 nhưng Hợp đồng Đại lý giám sát hải quan còn hiệu lực thì Hải quan nơi cấp Sổ có trách nhiệm cấp bổ sung theo đề nghị của Đại lý giám sát hải quan / *Each customs supervision record book has 100 sections for the verification on information of driver, means of transport and goods, in order, from “On entry or exit: for the 1st time” to “On entry or exit: for the 100<sup>th</sup> time”. Each entry, exit shall be declared and verified in the section of “On entry or exit: for the.... time”, In case the numbers of exits or entries excesses 100 while the customs supervision authorized agent contract is still valid, the local customs department issuing the book shall supplement upon the agent’s request.*

9. Nếu có hành vi vi phạm các quy định của Hải quan, Hải quan sẽ căn cứ theo Luật Hải quan tiến hành xử lý / *Any violations of customs regulations shall be handled in accordance with laws on customs.*

10. Khi cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra thường niên đối với xe vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan, bắt buộc phải kiểm tra Sổ hải quan giám sát phương tiện này / *When customs conducts annual inspection on means of transport subjected to customs supervision, customs supervision record book shall be examined.*



<b>I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP / GENERAL INFORMATION OF THE ENTERPRISE</b>			
1. Tên doanh nghiệp Trung Quốc / <i>Name of Chinese enterprise</i>		2. Địa chỉ, Mã số bưu điện / <i>Address, Postal code</i>	
3. Tên Đại lý giám sát hải quan / <i>Name of customs authorized supervision agent</i>		4. Địa chỉ / <i>Address</i>	
5. Tên người đại diện Đại lý Giám sát Hải quan / <i>Name of representative of customs authorized supervision agent</i>		6. Số điện thoại liên hệ / <i>Phone number</i>	
<b>II. THÔNG TIN CHUNG VỀ PHƯƠNG TIỆN / GENERAL INFORMATION OF MEANS OF TRANSPORT</b>			
1. Loại xe / <i>Type</i>		2. Biển số xe / <i>Number plate</i>	
3. Nhãn hiệu / <i>Brand</i>		4. Tải trọng / <i>Capacity</i>	
5. Số khung / <i>Vehicle Identification Number</i>		6. Số máy / <i>Engine Number</i>	
7. Khu vực được phép vận chuyển hàng hóa trong lãnh thổ Việt Nam / <i>Permitted area of transportation in the territory of the Socialist Republic Viet Nam</i>			

(vị trí Ảnh xe / *Photo of means of transport*)

(vị trí Ảnh xe / *Photo of means of transport*)

(Hải quan cấp Sổ đóng dấu lên  
vị trí 4 góc của ảnh / *Customs department issuing the  
record book to stamp on four corners of the photo*)

(Hải quan cấp Sổ đóng dấu lên  
vị trí 4 góc của ảnh / *Customs department issuing the  
record book to stamp on four corners of the photo*)

*Ngày / Date.....tháng / month.....năm / year.....*

**CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENT .....NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
(Đóng dấu/Stamp)**

(nhập cảnh, xuất cảnh lần 1 / on entry or exit: for the 1 <sup>st</sup> time)			
<b>I. Đại lý giám sát hải quan xác nhận thông tin về lái xe và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent on the information of drivers and goods</b>			
1. Họ và tên lái xe / Full name of the driver		2. Số Hộ chiếu lái xe / Passport number of the driver	
3. Số giấy phép lái xe / Driving license		4. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / Permit number for the driver of means of transport	
5. Số Giấy phép vận tải / Transport license Number		6. Loại giấy phép vận tải / Type of transport license	
7. Cơ quan cấp Giấy phép vận tải / Issue place of transport license		7. Ngày cấp Giấy phép vận tải / Issue date of transport license	
8. Số hiệu container / phương tiện chứa hàng (nếu có) / Container number/ Serial number of means of containment (if any)		9. Số niêm phong Hãng vận tải hoặc Hải quan (nếu có) / Seal number of Customs or transport operator	
10. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa / Location, time of goods delivery	<b>Nhập cảnh / Entry:</b> Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian nhập cảnh / Entry time:      giờ / hour, ngày / d      tháng / m      năm / y Thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng / Expected arrival time at delivery location:      giờ / hour, ngày / d      tháng / m      năm / y		
	<b>Xuất cảnh / Exit:</b> Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian khởi hành / Departure time:      giờ / hour, ngày      tháng      năm      (d/m/y) Thời gian dự kiến đến cửa khẩu xuất cảnh / Expected arrival time at exit border:      giờ / hour, ngày      tháng      năm      (d/m/y)		
<b>II. Đại lý giám sát hải quan và cơ quan Hải quan xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent and customs administration on the information of driver, means of transport and goods</b>			
1. Tên hàng hóa nhập khẩu / Name of imported goods	2. Trị giá (USD) / Value (USD)	3. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	4. Ghi chú khác / Other notes
5. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at entry border	6. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs officer at the border checkpoint on the state of means of transport and goods at entry border:	7. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location	8. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)
9. Tên hàng hóa xuất khẩu / Name of exported goods	10. Trị giá (USD) / Value (USD)	11. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	12. Ghi chú khác / Other notes
13. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận/ Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location:	14. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận/ Verification of customs officer in charge of the delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:	15. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh/ Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at exit border:	16. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh/ Verification of customs officer on the state of means of transport and goods at exit border:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu/Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu/Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)

(nhập cảnh, xuất cảnh lần ... / on entry or exit: for the ... time)			
<b>I. Đại lý giám sát hải quan xác nhận thông tin về lái xe và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent on the information of drivers and goods</b>			
1. Họ và tên lái xe / Full name of the driver		2. Số Hộ chiếu lái xe / Passport number of the driver	
3. Số giấy phép lái xe / Driving license		4. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / Permit number for the driver of means of transport	
5. Số Giấy phép vận tải / Transport license Number		6. Loại giấy phép vận tải / Type of transport license	
7. Cơ quan cấp Giấy phép vận tải / Issue place of transport license		7. Ngày cấp Giấy phép vận tải / Issue date of transport license	
8. Số hiệu container / phương tiện chứa hàng (nếu có) / Container number/ Serial number of means of containment (if any)		9. Số niêm phong Hải quan vận tải hoặc Hải quan (nếu có) / Seal number of Customs or transport operator	
10. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa / Location, time of goods delivery	<b>Nhập cảnh / Entry:</b> Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian nhập cảnh / Entry time:      giờ / hour, ngày / d      tháng / m      năm / y Thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng / Expected arrival time at delivery location:      giờ / hour, ngày / d      tháng / m      năm / y		
	<b>Xuất cảnh / Exit:</b> Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian khởi hành / Departure time:      giờ / hour, ngày      tháng      năm      (d/m/y) Thời gian dự kiến đến cửa khẩu xuất cảnh / Expected arrival time at exit border:      giờ / hour, ngày      tháng      năm      (d/m/y)		
<b>II. Đại lý giám sát hải quan và cơ quan Hải quan xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent and customs administration on the information of driver, means of transport and goods</b>			
1. Tên hàng hóa nhập khẩu / Name of imported goods	2. Trị giá (USD) / Value (USD)	3. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	4. Ghi chú khác / Other notes
5. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at entry border	6. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs officer at the border checkpoint on the state of means of transport and goods at entry border:	7. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location	8. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)
9. Tên hàng hóa xuất khẩu / Name of exported goods	10. Trị giá (USD) / Value (USD)	11. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	12. Ghi chú khác / Other notes
13. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận/ Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location:	14. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận/ Verification of customs officer in charge of the delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:	15. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh/ Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at exit border:	16. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh/ Verification of customs officer on the state of means of transport and goods at exit border:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu/Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu/Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)

**SỔ HẢI QUAN GIÁM SÁT PHƯƠNG TIỆN DO CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS  
SUPERVISION RECORD BOOK ON MEANS OF TRANSPORT CUSTOMS DEPARTMENT  
.....NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BAN HÀNH  
/ OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM ISSUES**

**HIỆU LỰC THI HÀNH / PERIOD OF VALIDITY <sup>(4)</sup>**

Từ ngày / From date.....tháng / month.....năm / year.....

đến ngày / to date.....tháng / month.....năm / year.....

---

<sup>(4)</sup>: Hiệu lực của Sổ theo thời hạn của hợp đồng Đại lý giám sát hải quan. Hải quan nơi cấp Sổ đóng dấu giáp lai trên Sổ hải quan giám sát phương tiện này khi cấp / *The period of validity of record books is in accordance with the period of validity of customs authorized supervision agent contract. Local customs departments issuing record books shall stamp on adjoining edges of the pages.*

## Phụ lục 5 / Annex 5

CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENT .....NƯỚC CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

### BAN HÀNH / ISSUES

Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan trong  
nội địa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam / *Permit to the driver of the means of  
transport subjected to customs supervision in the territory of the Socialist Republic of Viet Nam*

1. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / *Permit number to the driver of the means of  
transport* <sup>(1)</sup>:

2. Tên doanh nghiệp Trung Quốc / *Name of Chinese enterprise*:  
.....

3. Tên Đại lý giám sát hải quan / *Name of customs authorized supervision agent*:  
.....

4. Tên người đại diện hợp pháp của Đại lý giám sát hải quan và số điện thoại liên hệ / *Name  
of legal representative of customs authorized supervision agent and his/her phone number*:  
.....

5. Họ và tên lái xe / *Full name of driver*:.....

6. Số Hộ chiếu lái xe / *Passport number of driver*:.....

7. Hiệu lực của Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát  
hải quan từ ngày / *This permit is valid from date* .....tháng / *month* .....năm / *year* .....đến  
ngày / *to date* .....tháng / *month* .....năm / *year*.....<sup>(2)</sup>

Ngày / *Date* .....tháng / *month*.....năm / *year*.....

CỤC HẢI QUAN TỈNH / *Customs Department*.....nước  
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam / *of the Socialist  
Republic of Viet Nam*.

(Đóng dấu / *Stamp*)

(Ảnh 3x4 lái xe/  
3x4cm photo of driver)  
(Cục Hải quan nơi cấp  
đóng dấu lên góc phải tại  
ảnh của lái xe/*Customs  
issuing the permit to  
stamp on the right corner  
of the driver's photo*)

<sup>(1)</sup>:Hải quan nơi cấp ghi theo số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện đã cấp theo Phụ lục 3 / *Customs issuing  
the permit fills in the number of the permit issued according to Annex 3.*

<sup>(2)</sup>: Hiệu lực của Giấy chứng nhận này theo thời hạn của hợp đồng Đại lý giám sát hải quan / *Validation time of  
the permit is in accordance with the validation time of customs supervision authorized agent contract.*

### **CÁC ĐIỀU CẦN BIẾT / IMPORTANT NOTICES:**

1. Giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với lái xe của doanh nghiệp Trung Quốc. Lái xe được cấp phải bảo quản cẩn thận, không cho người khác mượn Giấy chứng nhận này / *This permit is only valid for drivers of the Chinese enterprises. Drivers shall keep the permit in good condition and shall not lend the permit.*
2. Khi Hải quan có yêu cầu, lái xe vận chuyển hàng hóa thuộc diện Hải quan giám sát phải xuất trình Giấy chứng nhận này để cùng đối chiếu với Sổ hải quan giám sát phương tiện đã được cấp / *Drivers transporting goods subject to customs supervision shall present this permit to customs upon request to check against the Customs supervision record book on means of transport.*
3. Nếu bị mất hoặc thay đổi doanh nghiệp vận tải thì lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp phải kịp thời báo cho cơ quan Hải quan nơi cấp để đăng ký và cấp lại hoặc thay đổi / *In case of loss of the permit or changes of transportation enterprise, drivers or representatives of enterprises shall report to the local customs department issuing the permit at the soonest for reissuance or updating the changes.*